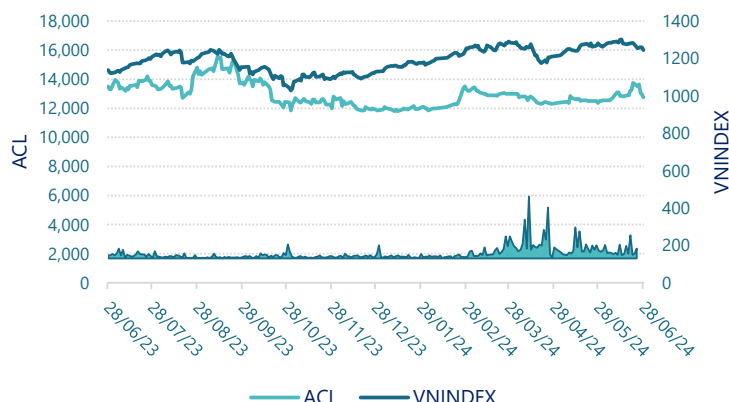


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	12,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
SL cổ phiếu LH	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,985
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	640
P/E	55.2
EPS	231

DT thuần

Q2/24

562

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 246 | 77.8%

YoY: ▲ 337 | 150%

LN sau thuế

Q2/24

3.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.94 | 41.5%

YoY: ▼ 0.92 | -22.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

2.1%

+/- YoY: ▼ 6.2%

DT thuần

6T 2024

878

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 514 | 141%

LN sau thuế

6T 2024

5.49

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.53 | -8.9%

ROE

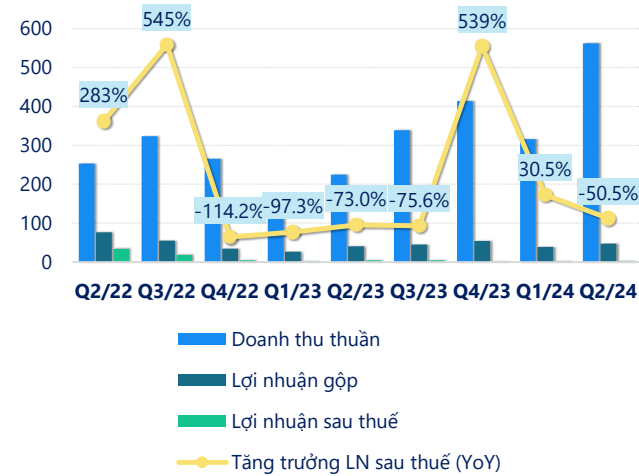
Q2/24

1.4%

+/- YoY: ▼ 2.1%

tỷ VNĐ

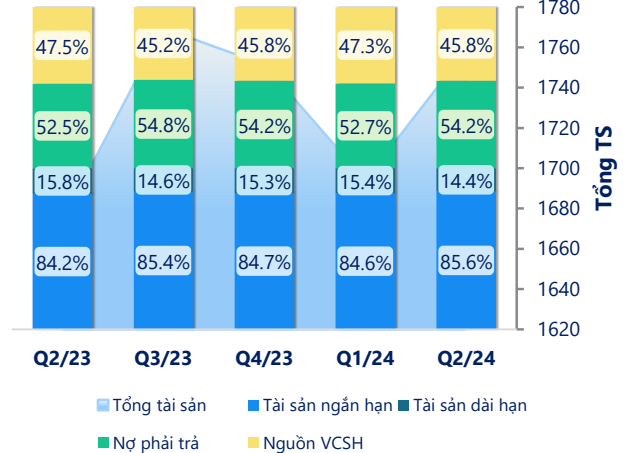
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

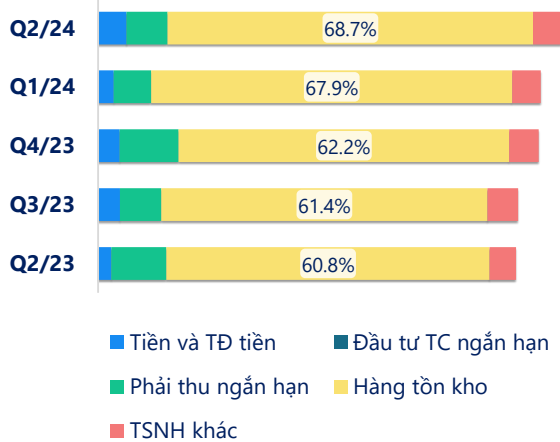
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



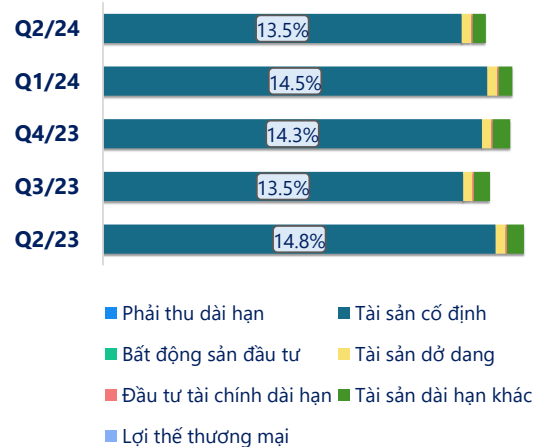
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

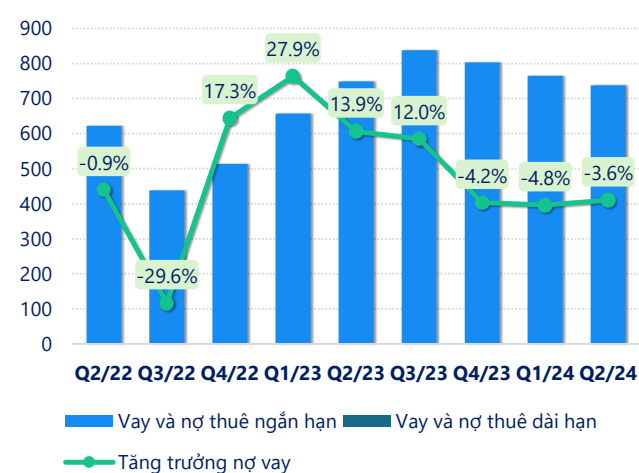
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

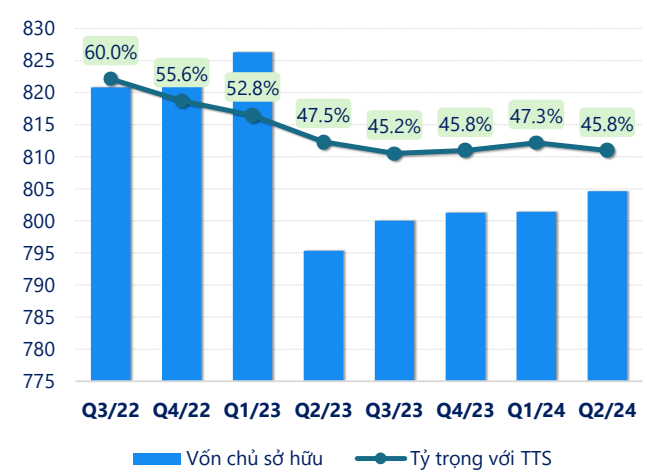
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

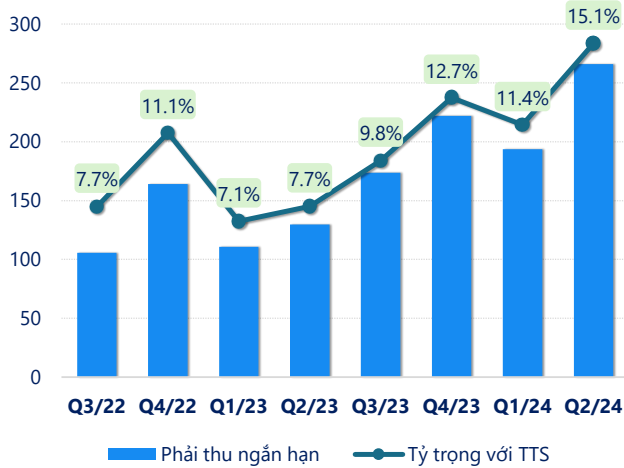
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



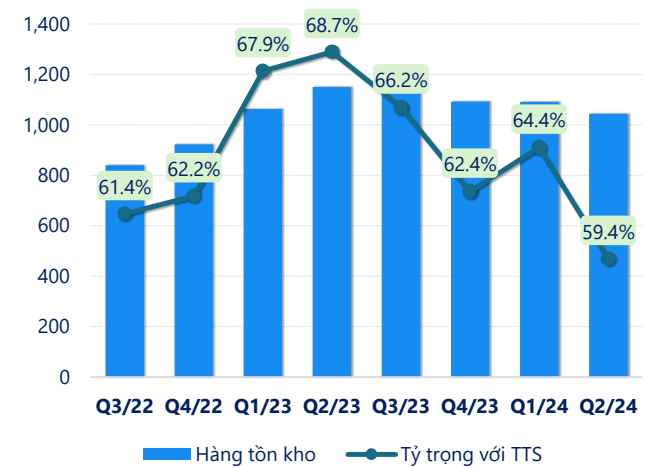
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


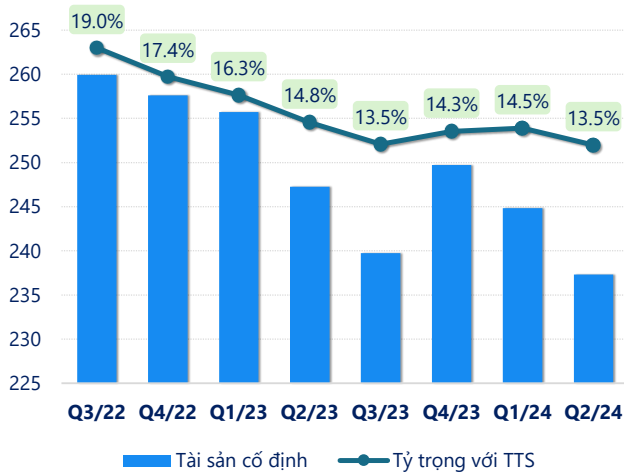
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


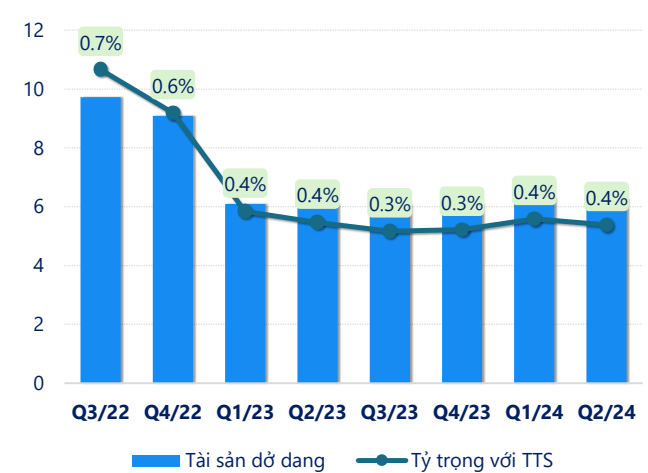
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

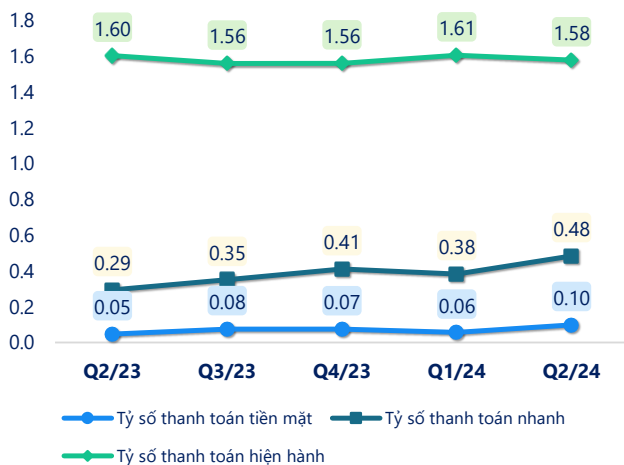
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

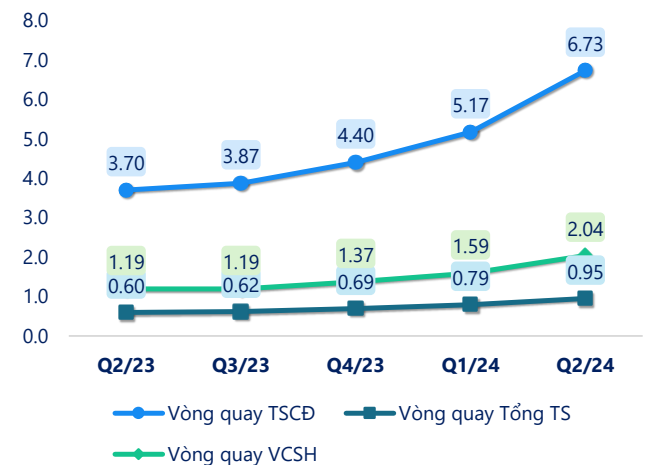
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	1,674	1,770	1,751	1,694	1,759
Tài sản ngắn hạn	1,409	1,512	1,483	1,433	1,505
Tiền và tương đương tiền	41.3	73.2	71.1	50.0	94.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	130	174	222	194	266
Hàng tồn kho	1,151	1,172	1,093	1,091	1,044
Tài sản ngắn hạn khác	87.3	93.3	97.1	98.5	102
Tài sản dài hạn	265	258	268	261	253
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	247	240	250	245	237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.10	6.10	6.10	6.31	6.31
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
Tài sản dài hạn khác	10.7	10.7	11.5	8.73	8.59
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	878	969	950	893	954
Nợ ngắn hạn	878	969	950	893	954
Vay và nợ thuê ngắn hạn	748	838	803	765	737
Phải trả người bán ngắn hạn	74.5	89.0	93.8	79.1	153
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	795	800	801	801	805
Vốn chủ sở hữu	795	800	801	801	805
Vốn điều lệ	502	502	502	502	502
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)